

Biểu mẫu 10

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
PHAN ĐĂNG LƯU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế
của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông
Năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	937	319	225	191	202
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	644 68.73%	283 88.71%	192 85.33%	169 88.48%	177 87.62%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	88 9.39%	36 14.22%	32 14.22%	20 10.47%	20 9.9%
3	Đạt/Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	03 0.32%		01 0.44 %	02 1.05%	05 2.48
4	Chưa đạt/ Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	937	319	225	191	202
1	Tốt/Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	261 27.85%	94 29.47%	60 26.67%	58 30.37%	49 24.26%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	380 40.55%	123 38.56%	103 45.78%	64 33.51%	90 44.55%

3	Đạt/Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	286 30.52%	96 30.09%	60 26.66%	67 35.07%	63 31.19%
4	Chưa đạt/Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	21 2.24%	12 3.76%	03 1.33%	06 3.14%	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	937	319	225	191	202
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	927 98.93%	94 29.47%	60 26.67%	58 30.37%	49 24.26%
a	Học sinh Tốt/giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	306 35.83%	123 38.56%	103 45.78%	64 33.51%	90 44.55%
b	Học sinh Khá/tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	390 35.48%	90 28.21%	59 26.22%	63 32.98%	63 31.19%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	21 2.24%	12 3.76%	03 1.33%	06 3.14%	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	10	6	2	2	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	7/47	3/8	2/21	1/6	1/12
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp Quận	22	0	0	22	0

2	Cấp tỉnh/thành phố	1	0	0	0	1
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	202	0	0	0	202
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	202	0	0	0	202
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	49 24.26%	0	0	0	49 24.26%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	90 44.55%	0	0	0	90 44.55%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	63 31.19%	0	0	0	63 31.19%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	470/467	153/166	116/109	90/101	111/91
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	51	16	12	11	12

Quận 8, ngày 24 tháng 6 năm 2024



Nguyễn Văn Toại

